

Số: 660 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô
80.000 sản phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000
sản phẩm/năm” do Công ty TNHH nội thất Bo Lin BP làm Chủ đầu tư
tại một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng,
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Mở rộng nhà máy của Công ty TNHH Nội thất Bo Lin BP
với tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng trên 10.000 m²” họp ngày 25/11/2021 tại
Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng
nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô 80.000 sản
phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000 sản phẩm/năm” đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 3003/CV-ĐTM ngày 30/03/2022
của Công ty TNHH Nội thất Bo Lin BP;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 11/TTr-
BQL ngày 12/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án “Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô

80.000 sản phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Nội thất Bo Lin BP (sau đây gọi là Chủ dự án) làm Chủ đầu tư tại một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 19/GXN-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp ngày 17/10/2019 cho dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô 80.000 sản phẩm/năm, các sản phẩm sofa với quy mô 110.000 sản phẩm/năm” hết hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nội thất Bo Lin BP và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UBND xã Tiên Hưng;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-5KKT₁₂₄).



PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án
“Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô
80.000 sản phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000
sản phẩm/năm” do Công ty TNHH nội thất Bo Lin BP làm Chủ đầu tư
tại một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng,
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 660/QĐ-UBND ngày 14/4/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô 80.000 sản phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH nội thất Bo Lin BP.

Địa chỉ liên hệ: Một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sofa giường với quy mô 80.000 sản phẩm/năm, gia công các sản phẩm sofa với quy mô 110.000 sản phẩm/năm” được thực hiện trên diện tích mặt đất 12.081,7 m² (trong đó tổng diện tích sàn nhà xưởng, kho chứa khoảng 13.999 m²) tại một phần lô A6, KCN Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, văn phòng.
- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi gỗ, hệ thống xử lý khí thải (hơi keo), kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa bụi gỗ.
- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất sofa và sofa giường:

Vải → Cắt vải → May → Bán thành phẩm (1).

Nguyên liệu (gỗ tấm, ván ép đã qua sơ chế, sấy khô) → Cắt → Khoan lỗ → Bo cạnh → Ráp khung → Gắn lò xo → Dán mút → Bọc vải đã may (1) vào khung gỗ → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Hiện trạng khu đất thực hiện dự án đã xây dựng hoàn thiện các nhà xưởng và các hạng mục công trình khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động, Dự án sử dụng tầng trệt, tầng 1 của các nhà xưởng và di dời một số máy móc, thiết bị để phù hợp việc bố trí sản xuất.

Dự án không xây dựng thêm hạng mục công trình mới và không đầu tư thêm máy móc, thiết bị; do đó, nội dung đánh giá tác động môi trường và biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc không phát sinh.

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành, bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất không nguy hại, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Trong giai đoạn vận hành, Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 11,25 m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm: các chất cặn bã, các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất rắn lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải gồm CO_x, NO_x, SO_x, C_xH_y...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất:* Chủ yếu phát sinh từ các công đoạn sản xuất như: cắt, khoan, bo cạnh, dán mút, ráp khung, gắn lò xo, cắt vải... Thành phần chủ yếu chứa bụi và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh khoảng 82,5 tấn/năm, gồm: Mút thừa, vải vụn, chỉ thừa, gim thừa, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt,...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 125 kg/ngày, gồm: Bao bì, túi ni lông, giấy vụn, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành, chất thải nguy hại phát sinh khoảng 237 kg/tháng, gồm: giẻ lau dính hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì thải, than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải,... và khoảng 1.952 kg/tháng gỗ vụn, bụi gỗ,... (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 35 m³/ngày đêm với quy trình xử lý gồm các hạng mục chính: Nước thải sau khi qua bể tự hoại, nước thải từ bồn rửa tay → Bể điều hoà → Bể SBR1 → Bể SBR2 → Đầu nổi vào hệ

thống thu gom nước thải dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đổng Phú để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đổng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đổng Phú.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hạn chế công tác nhập nguyên liệu và xuất hàng trong các giờ cao điểm và tan ca của công nhân viên; bố trí bãi đậu xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ quá trình gia công gỗ (cắt gỗ, khoan lỗ, bo cạnh,...):* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình xử lý bao gồm các hạng mục chính sau: Bụi gỗ → Chụp hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí (đường kính 0,35 m, chiều cao 11 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình dán keo:* Lắp đặt hệ thống xử lý hơi keo với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Khí thải → Chụp hút (có chứa tấm lọc than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát (đường kính 0,2 m, chiều cao 13 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ quá trình cắt vải:* Trang bị 01 máy hút bụi di động để thu gom toàn bộ bụi vải tại khu vực cắt vải.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, sau đó, lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 10 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu trữ vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 41 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 12 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị PCCC... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung*: Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí khoảng cách các máy móc, thiết bị hợp lý; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; chăm sóc, duy trì tỷ lệ cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư*: Thiết kế nhà máy thông thoáng, thông gió tự nhiên, bố trí các chụp hút trên trần mái; trồng cây xanh xung quanh nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ*: Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên, nhiên liệu; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động*: Công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn

lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước và bể tự hoại:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa; tiến hành sửa chữa, thay thế đường ống cấp thoát nước bị hư hỏng; định kỳ hút bùn thải của bể tự hoại và quản lý theo đúng quy định,...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải:* Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải (hơi keo), nước thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; định kỳ thay than hoạt tính; trang bị các thiết bị dự phòng khi gặp sự cố...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:* Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; các hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất đều được dán tem, nhãn để công nhân lưu ý khi sử dụng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 35 m³/ngày.
- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 10 m².
- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 41 m².
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m².
- Khu vực lưu giữ bụi gỗ, mùn cưa, gỗ vụn diện tích 24 m².
- Hệ thống xử lý bụi gỗ (Số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế tối đa: 15.000 m³/giờ).
- Hệ thống xử lý khí thải hơi keo (Số lượng: 02 hệ thống, công suất thiết kế tối đa: 3.000 m³/giờ/hệ thống).
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: theo các quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

01 vị trí khu vực gia công gỗ (cắt, khoan, bo cạnh, ráp khung và gắn lò xo):
Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, NO₂, CO, SO₂.

01 vị trí khu vực dán keo: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, CO, SO_x, vinyl axetat.

01 vị trí khu vực cắt vải: Vi khí hậu, bụi tổng, tiếng ồn, NO₂, CO, SO₂

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- Vị trí và thông số giám sát:

+ 01 vị trí sau hệ thống xử lý bụi gỗ: Lưu lượng, bụi.

+ 02 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải hơi keo: Lưu lượng, bụi, vinyl axetat.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra sau hệ thống xử lý.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng coliforms, dầu mỡ tổng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, QCVN 40:2011/BTNMT).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: theo các quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.



an. nay

an. nay

an

an



an